TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI

VIỆN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG



**Software requirement specification**

**Đồ án Project I – IT3150**

**Đề tài: Trang web quản lý công việc - workflow management**

**Giáo viên hướng dẫn: TS. Đào Thành Chung**

**Sinh viên thực hiện: Nguyễn Thanh Tú MSSV: 20184002**

**Hà Nội, Tháng 1 năm 2021**

Mục lục

[Mục lục 2](#_Toc61005551)

[CHƯƠNG I: GIỚI THIỆU 3](#_Toc61005552)

[CHƯƠNG 2: MÔ TẢ HỆ THỐNG 4](#_Toc61005553)

[CHƯƠNG 3: PHÂN TÍCH YÊU CẦU PHẦN MỀM 5](#_Toc61005554)

[3.1. Chức năng 5](#_Toc61005555)

[3.1.1. Biểu đồ Usecase tổng quát 5](#_Toc61005556)

[3.1.2. Danh sách tác nhân 5](#_Toc61005557)

[3.1.3. Danh sách use case 6](#_Toc61005558)

[3.1.4. Đặc tả use case 7](#_Toc61005559)

[3.2. Tính tiện dụng 15](#_Toc61005560)

[3.3. Độ tin cậy 15](#_Toc61005561)

[3.4. Yêu cầu ràng buộc 15](#_Toc61005562)

# CHƯƠNG I: GIỚI THIỆU

**1.1. Mục đích**

* Đây là tài liệu đặc tả yêu cầu hệ thống quản lý công việc
* Tài liệu này sử dụng cho nhóm phát triển hệ thống, bảo trì, nhà quản lý hệ thống quản lý công việc và các thầy cô kiểm tra, đánh giá đồ án môn học.
* Mục đích cụ thể của tài liệu:

1. Tài liệu này chỉ ra các yêu cầu của hệ thống một cách chi tiết, đồng thời được mô hình hóa và đặc tả một cách chi tiết. Dựa vào đây các nhà phát triển có thể xây dựng hệ thống một cách hoàn chỉnh, bảo trì khi cần thiết. Giúp cho việc thiết kế tốt nhất có thể.
2. Tài liệu được cung cấp các đặc tả về hệ thống, hỗ trợ trong quá trình vận hành hệ thống.
3. Tài liệu này mô tả tổng quát nhất các chức năng của hệ thống, sẽ thuận lợi cho việc kiểm soát tiến độ phát triển của dự án.

**1.2. Phạm vi dự án**

Hệ thống giúp cho cá nhân, tổ chức có thể dễ dàng quản lý và phân chia công việc cụ thể; giúp theo dõi đánh giá quá trình và hiệu suất làm việc.

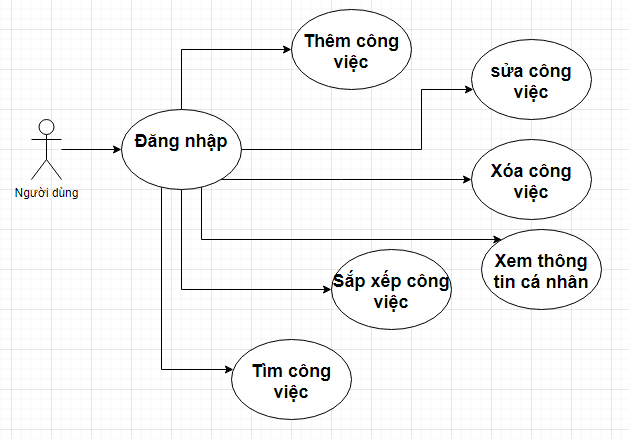
# CHƯƠNG 2: MÔ TẢ HỆ THỐNG

* 1. **Các chức năng chính**
* Đăng nhập
* Thêm công việc
* Xem thông tin công việc
* Sửa công việc
* Xem thông tin cá nhân
* Xóa công việc
* Tìm công việc
* Sắp xếp công việc
  1. **Các tác nhân chính**
* Cá nhân (người muốn quản lý công việc)

# CHƯƠNG 3: PHÂN TÍCH YÊU CẦU PHẦN MỀM

## 3.1. Chức năng

### 3.1.1. Biểu đồ Usecase tổng quát



*Biểu đồ use case tổng quát*

### 3.1.2. Danh sách tác nhân

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Tên tác nhân | Mô tả |
| 1 | Người dùng | Là người sử dụng phầm mềm quản lý công việc.  Là người quản lý hệ thống, bao gồm: công việc đã hoàn thành, chưa hoàn thành, thông tin cá nhân. |
| 2 | Hệ thống | Lưu trữ dữ liệu hệ thống quản lý công việc |

### 3.1.3. Danh sách use case

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Use case ID | Tên use case | Mô Tả | Tác nhân tham gia |
| UC01 | Đăng nhập | Ca sử dụng cho phép người dùng đăng nhập vào hệ thống quản lý công việc | Người dùng |
| UC02 | Thêm công việc | Ca sử dụng cho phép người dùng thêm mới công việc | Người dùng |
| UC03 | Sửa công việc | Ca sử dụng cho phép người dùng sửa thông tin công việc như tên công việc, trạng thái công việc | Người dùng |
| UC04 | Xóa công việc | Ca sử dụng cho phép người dùng xóa công việc | Người dùng |
| UC05 | Xem thông tin cá nhân | Ca sử dụng cho phép người dùng xem thông tin cá nhân của mình | Người dùng |
| UC06 | Tìm công việc | Ca sử dụng cho phép người dùng tìm công việc | Người dùng |
| UC07 | Sắp xếp công việc | Ca sử dụng cho phép người dùng sắp xếp công việc | Người dùng |

### 3.1.4. Đặc tả use case

#### 3.1.4.1. Usecase Đăng nhập

|  |  |
| --- | --- |
| Use case ID | UC01 |
| Tên use case | Đăng nhập |
| Tên tác nhân | Người dùng |
| Mô tả | Ca sử dụng cho phép người dùng đăng nhập vào hệ thống quản lý công việc |
| Tiền điều kiện | Người dùng đã truy cập vào hệ thống |
| Hậu điều kiện | Không có |
| Luồng sự kiện chính | 1. Ca sử dụng bắt đầu khi người dùng vào hệ thống 2. Hệ thống hiển thị giao diện đăng nhập 3. Người dùng nhập thông tin username và password, nhấn chọn button đăng nhập 4. Hệ thống nhận thông tin đăng nhập và kiểm tra thông tin. 5. Thông báo xác nhận cho người dùng |
| Ngoại lệ | E1: Thông tin tài khoản không chính xác, load lại trng đăng nhập. |
| Tần suất sử dụng | Bình thường |
| Yêu cầu đặc biệt | Có tài khoản |
| Ghi chú | Không có |

#### 3.1.4.2. Usecase Thêm công việc

|  |  |
| --- | --- |
| Use case ID | UC02 |
| Tên use case | Thêm công việc |
| Tên tác nhân | Người dùng (Người muốn quản lý công việc) |
| Mô tả | Ca sử dụng cho phép người dùng thêm mới công việc |
| Điều kiện tiên quyết | Người dùng đã truy cập vào hệ thống |
| Hậu điều kiện | Người dùng đã nhập đầy đủ thông tin đăng kí và được hệ thống xác nhận. |
| Luồng sự kiện chính | 1. Ca sử dụng bắt đầu khi người dùng chọn button “Thêm công việc” 2. Hệ thống nhận thông tên công việc, trạng thái công việc. 3. Hệ thông hiện công việc vào bảng danh sách các công việc |
| Tần suất sử dụng | Nhiều |
| Yêu cầu đặc biệt | Không có |
| Ghi chú | Không có |

#### 3.1.4.3. Usecase Sửa công việc

|  |  |
| --- | --- |
| Use case ID | UC03 |
| Tên use case | Sửa công việc |
| Tên tác nhân | Người dùng |
| Mô tả | Ca sử dụng cho phép người dùng sửa thông tin công việc như tên công việc, trạng thái công việc |
| Điều kiện tiên quyết | Người dùng đăng nhập vào hệ thống quản lý |
| Hậu điều kiện | Không có |
| Luồng sự kiện chính | 1. Ca sử dụng bắt đầu khi người sử dụng chọn nút “Sửa”. 2. Hệ thống hiển thị thông tin công việc. 3. Người sử dụng thay đổi thông tin công việc. 4. Người sử dụng có thể chọn “Lưu lại” hoặc “Hủy bỏ” 5. Hệ thống cập nhật danh sách công việc |
| Luồng sự kiện phụ | Không có |
| Ngoại lệ | Không có |
| Tần suất sử dụng | Bình thường |
| Yêu cầu đặc biệt | Không có |
| Ghi chú | Không có |

#### 3.1.4.4. Usecase Xóa công việc

|  |  |
| --- | --- |
| Use case ID | UC04 |
| Tên use case | Xóa công việc |
| Tên tác nhân | Người dùng |
| Mô tả | Ca sử dụng cho phép người dùng xóa công việc không cần thiết nữa |
| Điều kiện tiên quyết | Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống quản lý |
| Hậu điều kiện | Không có |
| Luồng sự kiện chính | 1. Ca sử dụng bắt đầu khi người dùng chọn button “Xóa” 2. Hệ thống xóa thông tin công việc đó, cập nhật và hiển thị danh sách công việc. |
| Luồng sự kiện phụ | Không có |
| Ngoại lệ | Không có |
| Tần suất sử dụng | Bình thường |
| Yêu cầu đặc biệt | Không có |
| Ghi chú | Không có |

#### 3.1.4.5. Usecase Xem thông tin cá nhân

|  |  |
| --- | --- |
| Use case ID | UC05 |
| Tên use case | Xem thông tin cá nhân |
| Tên tác nhân | Người dùng |
| Mô tả | Ca sử dụng cho phép người dùng xem thông tin cá nhân của mình |
| Điều kiện tiên quyết | Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống |
| Hậu điều kiện | Không có |
| Luồng sự kiện chính | 1. Ca sử dụng bắt đầu khi người dùng chọn button “Thông tin” 2. Hệ thống hiển thị ra thông tin cá nhân của người dùng. |
| Luồng sự kiện phụ | Không có |
| Ngoại lệ | Không có |
| Tần suất sử dụng | Ít |
| Yêu cầu đặc biệt | Không có |
| Ghi chú | Không có |

#### 3.1.4.6. Usecase Tìm công việc

|  |  |
| --- | --- |
| Use case ID | UC06 |
| Tên use case | Tìm công việc |
| Tên tác nhân | Người dùng |
| Mô tả | Ca sử dụng cho phép người dùng tìm công việc dựa trên tên công việc |
| Điều kiện tiên quyết | Người dùng đăng nhập vào hệ thống quản lý |
| Hậu điều kiện | Không có |
| Luồng sự kiện chính | 1. Ca sử dụng bắt đầu khi người sử dụng nhập thông tin vào ô tìm công việc 2. Hệ thống hiển thị thông tin công việc có tên khớp với tên đã tìm |
| Luồng sự kiện phụ | Không có |
| Ngoại lệ | Không có |
| Tần suất sử dụng | Bình thường |
| Yêu cầu đặc biệt | Không có |
| Ghi chú | Không có |

#### 3.1.4.7. Usecase Sắp xếp công việc

|  |  |
| --- | --- |
| Use case ID | UC07 |
| Tên use case | Sắp xếp công việc |
| Tên tác nhân | Người dùng |
| Mô tả | Ca sử dụng cho phép người dùng sắp xếp thứ tự công việc dựa trên tên công việc hoặc trạng thái công việc |
| Điều kiện tiên quyết | Người dùng đăng nhập vào hệ thống quản lý |
| Hậu điều kiện | Không có |
| Luồng sự kiện chính | 1. Ca sử dụng bắt đầu khi người sử dụng chọn nút “Sắp xếp”, chọn loại sắp xếp. 2. Hệ thống hiển thị thông tin công việc theo thứ tự người dùng đã chọn |
| Luồng sự kiện phụ | Không có |
| Ngoại lệ | Không có |
| Tần suất sử dụng | Bình thường |
| Yêu cầu đặc biệt | Không có |
| Ghi chú | Không có |

## 3.2. Tính tiện dụng

* Hệ thống dễ dàng đối với người sử dụng
* Không rườm rà, thêm sửa xóa nhanh chóng
* Người sử dụng dễ dàng quản lý công việc mà mình đang có

## 3.3. Độ tin cậy

Hệ thống lưu trữ thông tin người dùng một cách bảo mật, thông tin về công việc chỉ có người có tài khoản mớ có thể xem được.

## 3.4. Yêu cầu ràng buộc

Yêu cầu cho thiết bị sử dụng: Sử dụng trình duyệt Chrome hoặc Cốc Cốc